

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2017

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

Kế toán trưởng

A blue handwritten signature of Phạm Thị Hồng Nhung.

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229,122,995,157	284,745,440,784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	114,378,534,552	189,378,258,842
1. Tiền	111		49,928,549,375	41,852,607,212
2. Các khoản tương đương tiền	112		64,449,985,177	147,525,651,630
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109,948,803,865	83,723,158,886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25,461,451,327	80,163,281,547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	738,031,993	432,376,141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	45,000,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	38,964,154,157	3,409,868,310
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(214,833,612)	(282,367,112)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2,693,495,269	9,716,231,820
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2,693,495,269	9,716,231,820
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,102,161,471	1,927,791,236
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,099,006,071	1,924,635,836
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		562,354,628,222	642,768,044,420
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		91,862,721,143	1,864,571,143
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	91,862,721,143	1,864,571,143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		261,957,896,552	536,553,061,886
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	258,912,818,695	533,434,406,207
<i>Nguyên giá</i>	222		507,796,771,981	795,977,298,552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(248,883,953,286)	(262,542,892,345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,045,077,857	3,118,655,679
<i>Nguyên giá</i>	228		5,026,265,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,981,187,379)	(1,826,359,557)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	5,125,141,591	23,161,978,675
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,125,141,591	23,161,978,675
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		200,456,746,500	48,805,386,500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	200,455,880,000	48,804,520,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,952,122,436	32,383,046,216
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2,952,122,436	32,383,046,216
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		791,477,623,379	927,513,485,204

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		146,498,907,160	372,372,297,880
I. Nợ ngắn hạn	310		126,820,897,990	172,926,466,529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	19,802,727,600	50,226,199,820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	662,466,694	604,561,465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8,177,315,139	15,992,965,327
4. Phải trả người lao động	314		6,259,445,645	3,875,329,425
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	88,600,911	342,472,664
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	54,948,578,249	34,658,304,616
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	19,899,406,105	51,684,745,565
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	16,982,357,647	15,541,887,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19,678,009,170	199,445,831,351
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	90,604,520,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	19,678,009,170	108,841,311,351
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		644,978,716,219	555,141,187,324
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	644,978,716,219	555,141,187,324
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		345,078,180,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		345,078,180,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,738,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(10,359,064,178)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		152,064,070,809	131,730,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104,019,004,166	143,019,479,771
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		80,619,771	143,019,479,771
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103,938,384,395	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		791,477,623,379	927,513,485,204

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94,737,575,273	129,753,033,422	451,542,698,498	417,853,288,627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94,737,575,273	129,753,033,422	451,542,698,498	417,853,288,627
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58,607,407,782	79,478,292,931	291,109,452,898	258,082,018,553
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36,130,167,491	50,274,740,491	160,433,245,600	159,771,270,074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,320,889,913	4,527,582,650	20,015,483,680	13,558,405,292
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,083,681,935	2,743,583,593	4,875,194,604	5,940,365,129
Trong đó: chi phí lãi vay	23		584,774,379	1,040,381,337	2,937,136,285	3,865,721,819
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4,986,361,022	5,390,316,107	22,096,923,940	18,007,690,427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40,381,014,447	46,668,423,441	153,476,610,736	149,381,619,810
11. Thu nhập khác	31	VI.6	261,019,067	32,500,008	1,523,070,929	1,015,577,943
12. Chi phí khác	32	VI.7	541,940,266	(22,312,088)	932,029,591	36,486,047
13. Lợi nhuận khác	40		(280,921,199)	54,812,096	591,041,338	979,091,896
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40,100,093,248	46,723,235,537	154,067,652,074	150,360,711,706
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6,267,085,022	4,304,254,760	16,194,502,679	14,803,272,137
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33,833,008,226	42,418,980,777	137,873,149,395	135,557,439,569

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Ngày 28 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	154,067,652,074	150,360,711,706
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	61,815,777,947	73,712,878,728
- Các khoản dự phòng	03	(67,533,500)	117,533,500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	154,743,394	1,221,102,409
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,600,349,332)	(11,041,973,772)
- Chi phí lãi vay	06	4,017,561,969	3,865,721,819
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	201,387,852,552	218,235,974,390
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	64,023,503,510	(10,200,090,134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7,022,736,551	566,757,267
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(153,051,269,102)	38,560,935,493
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	29,256,553,545	(24,014,958,134)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4,143,054,722)	(4,038,134,993)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24,787,385,470)	(25,815,009,824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8,048,530,000)	(7,015,070,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	111,660,406,864	186,280,404,065
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(10,028,210,999)	(30,780,808,154)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	31,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43,572,661,100)	(18,804,520,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,329,259,236	10,973,370,219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61,271,612,863)	(38,580,139,753)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	113,065,860,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4,561,855,500)	(7,788,034,178)
3. Tiền thu từ đi vay	33	(44,951,411,699)	16,701,147,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75,871,801,418)	(48,190,924,836)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(113,016,110,000)	(68,766,987,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(125,335,318,617)</i>	<i>(108,044,799,014)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(74,946,524,616)	39,655,465,298
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	189,378,258,842	149,754,819,697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(53,199,674)	(32,026,153)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>114,378,534,552</u>	<u>189,378,258,842</u>

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	54,2%	57,75%
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh kho bãi	51%	51%	51%

(i) Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

(ii) Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Pan Hải An.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh tại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại Khu A, lô 17 Khu nhà ở Phú Mỹ, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 58 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	687,364,123	405,260,156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49,241,185,252	41,447,347,056
Các khoản tương đương tiền	64,449,985,177	147,525,651,630
Cộng	114,378,534,552	189,378,258,842

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	200,455,880,000	-	131,000,000,000	48,804,520,000	-	48,804,520,000
Công ty TNHH Cảng Hải An(i)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	30,000,000,000	-	30,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (iii)	101,000,000,000	-	101,000,000,000	18,804,520,000	-	18,804,520,000
Công ty TNHH Pan Hải An	69,455,880,000	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	-	866,500	866,500	-	866,500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000	-	864,000	864,000	-	864,000
Công ty Cổ phần MHC	2,500	-	2,500	2,500	-	2,500
Cộng	200,456,746,500	-	131,000,866,500	48,805,386,500	-	48,805,386,500

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Cảng Hải An	85,820,761,196	54,945,830,986
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng	4,308,500,098	3,744,780,054
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu	21,404,074,276	30,333,127,560
Cảng Hải An thanh toán công nợ	36,000,000,000	14,000,000,000
Cảng Hải An chuyển lãi	11,271,090,096	3,744,780,054
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Góp vốn		18,804,520,000
Bàn giao vốn lưu động theo chuyển đổi BCC	26,438,823,514	
Cho vay	50,000,000,000	
Thu tiền gốc vay	5,000,000,000	
Phải thu về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	36,641,949,822	
Phải thu về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	2,337,100,444	
Phải trả về cung cấp dịch vụ	16,019,005,979	
Thanh toán tiền dịch vụ	38,110,363,514	
Công ty TNHH Pan Hải An		
Chuyển tiền góp vốn	43,572,661,100	
Bù trừ công nợ với tiền góp vốn	25,883,218,900	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10,129,363,386	4,490,857,292
Công ty Cổ phần Transimex		887,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		77,486,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs		385,000,000
Công ty cổ phần Hải Minh		40,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	9,331,990	125,287,078
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	35,210,463	379,301,277
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hồ Chí Minh	5,060,000	
Công ty TNHH Cảng Hải An	8,444,966,195	2,596,082,937
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,634,794,738	-
Công ty TNHH vận tải container Hải An		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	15,332,087,941	75,672,424,255
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	3,158,241,547	11,248,851,414
Pendulum Express Lines Pte Ltd	1,759,989,132	10,543,900,307
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN GEMADEPT	1,642,774,995	1,087,400,457
Các khách hàng khác	8,771,082,267	52,792,272,077
Cộng	25,461,451,327	80,163,281,547

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	738,031,993	432,376,141
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239,222,508	239,222,508
Công ty cổ phần ĐT & Xây dựng Công trình thủy - CIENCO1	3,227,833	3,227,833
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt nam	205,794,000	77,349,000
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68,000,000	68,000,000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	42,703,231	44,576,800
Các nhà cung cấp khác	179,084,421	
Cộng	738,031,993	432,376,141

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	45,000,000,000	-
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay	45,000,000,000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	45,000,000,000	-

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	13,060,219,987	-	1,789,129,891	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	13,060,219,987		1,789,129,891	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	25,903,934,170	-	1,620,738,419	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn				
Tiền lãi dự thu	55,676,895		248,860,466	
Ký cược, ký quỹ	20,134,857,220		1,119,470,005	
Tạm ứng	165,810,000		206,702,100	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân bổ BCC	5,547,590,055			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			45,705,848	
Cộng	38,964,154,157	-	3,409,868,310	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	90,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH vận tải Container Hải An - Phải thu về góp vốn BCC	90,000,000,000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,862,721,143	-	1,864,571,143	-
Ký cược, ký quỹ	1,862,721,143		1,864,571,143	
Cộng	91,862,721,143	-	1,864,571,143	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	Số đầu năm	
		Thời gian quá hạn	Giá gốc		Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	214,833,612	-	-	332,738,612	50,371,500
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486	-	3 năm	65,089,486	-
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126	-	3 năm	99,744,126	-
Công ty TNHH K.N.V	2 năm	50,000,000	-		167,905,000	50,371,500
Cộng		214,833,612	-		332,738,612	50,371,500

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	282,367,112		282,367,112
Trích lập dự phòng bổ sung	-		-
Hoàn nhập dự phòng	(67,533,500)		(67,533,500)
Số cuối kỳ	214,833,612	-	214,833,612

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, phụ tùng thay thế	21,690,909		53,181,820	
Nguyên liệu, vật liệu	2,671,804,360		9,663,050,000	
Cộng	2,693,495,269	-	9,716,231,820	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	112,141,419	877,637,846
Công cụ dụng cụ, sửa chữa bãi	1,986,864,652	1,046,997,990
Cộng	2,099,006,071	1,924,635,836

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản, thiết bị		31,036,200,578
Công cụ dụng cụ	2,952,122,436	1,346,845,638
Cộng	2,952,122,436	32,383,046,216

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng tài sản
Nguyên giá						
Số đầu năm	199,026,384,869	269,338,768,973	327,357,253,800	177,390,910	77,500,000	795,977,298,552
Mua sắm mới		78,973,000	1,997,081,546	552,183,636	20,843,870,354	23,472,108,536
Chuyển giao tài sản			(311,652,635,107)			(311,652,635,107)
Thanh lý, nhượng bán						-
Số cuối kỳ	199,026,384,869	269,417,741,973	17,701,700,239	729,574,546	20,921,370,354	507,796,771,981
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	80,848,899,158	119,502,727,777	62,120,324,621	70,107,456	833,333	262,542,892,345
Khấu hao trong kỳ	12,863,729,292	28,249,607,685	18,337,469,000	106,382,129	2,103,762,019	61,660,950,125
Chuyển giao tài sản			(75,319,889,184)			(75,319,889,184)
Thanh lý, nhượng bán						-
Số cuối kỳ	93,712,628,450	147,752,335,462	5,137,904,437	176,489,585	2,104,595,352	248,883,953,286

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	<u>118,177,485,711</u>	<u>149,836,041,196</u>	<u>265,236,929,179</u>	<u>107,283,454</u>	<u>76,666,667</u>	<u>533,434,406,207</u>
Số cuối kỳ	<u>105,313,756,419</u>	<u>121,665,406,511</u>	<u>12,563,795,802</u>	<u>553,084,961</u>	<u>18,816,775,002</u>	<u>258,912,818,695</u>

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236		4,945,015,236
Mua trong kỳ		81,250,000	81,250,000
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối kỳ	<u>4,945,015,236</u>	<u>81,250,000</u>	<u>5,026,265,236</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,826,359,557		1,826,359,557
Khấu hao trong kỳ	141,286,152	13,541,670	154,827,822
Số cuối năm	<u>1,967,645,709</u>	<u>13,541,670</u>	<u>1,981,187,379</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3,118,655,679	-	3,118,655,679
Số cuối năm	<u>2,977,369,527</u>	<u>67,708,330</u>	<u>3,045,077,857</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	21,778,927,766	10,865,807,363	(28,065,048,083)		4,579,687,046
Xây dựng cơ bản dở dang	1,383,050,909	1,368,463,636		(2,206,060,000)	545,454,545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	606,733,170		(606,733,170)	-
Cộng	<u>23,161,978,675</u>	<u>12,841,004,169</u>	<u>(28,065,048,083)</u>	<u>(2,812,793,170)</u>	<u>5,125,141,591</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	12,834,728,164	7,716,103,875
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	653,465,209	300,644,036
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		1,319,184,500
Công ty Cổ phần Transimex		335,114,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		5,761,161,339
Công ty TNHH vận tải container Hải An	12,181,262,955	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6,967,999,436	42,510,095,945
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	-	9,750,250,908
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd		7,995,319,387
Megatop Agency Limited		2,163,109,696
TRITON CONTAINER INTERNATIONAL LIMITED-COLLE	1,516,247,394	
Công ty TNHH Phúc Nam	1,437,817,200	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN GEMADEPT	1,247,340,600	
CN Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh	1,543,300,712	
Công ty CP Hàng Hải Đông Đô		1,005,360,580
Công ty CP TM và DV Vosco		2,091,868,867
International Bunker Services Limited		2,175,206,724
Các nhà cung cấp khác	1,223,293,530	17,328,979,783
Cộng	19,802,727,600	50,226,199,820

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	3,000,000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh	3,000,000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	659,466,694	604,561,465
Công ty CP hàng hải Vsico		91,120,000
Công ty Cp vận tải và tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương A.P.Moller-Maersk A/S		102,645,000
Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Phúc Tín	417,380,000	330,983,065
Công ty TNHH XNK và vận tải Quang Minh	55,000,000	
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hàng hóa Việt Nam	31,100,000	
Các khách hàng khác	155,986,694	79,813,400
Cộng	662,466,694	604,561,465

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT đầu ra	2,910,709,232	-	22,358,779,529	(23,303,197,987)	1,966,290,774	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	813,856,719	(813,856,719)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3,155,400	1,673,518	(1,673,518)	-	3,155,400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,592,536,974	-	19,141,307,056	(24,787,385,470)	4,946,458,560	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,510,139,821	-	2,336,792,531	(2,582,366,547)	1,264,565,805	-
Tiền thuế đất	979,579,300	-	1,249,633,628	(2,229,212,928)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5,000,000	(5,000,000)	-	-
Cộng	15,992,965,327	3,155,400	45,907,042,981	(53,722,693,169)	8,177,315,139	3,155,400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40,100,093,248	46,723,235,537
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(4,330,634,903)	134,452,287

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các khoản điều chỉnh tăng	615,242,928	134,452,287
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4,945,877,831)	
Thu nhập chịu thuế	35,769,458,345	46,857,687,824
Thu nhập được miễn thuế	(8,158,454,139)	(1,789,129,891)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế bổ sung quý 4	2,290,764,533	
Thu nhập tính thuế	29,901,768,739	45,068,557,933
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác được hưởng ưu đãi	12,151,732,632	31,396,378,514
- Hoạt động khai thác không hưởng ưu đãi	14,244,880,829	2,922,344,964
- Hoạt động khai thác tàu	3,505,155,278	10,749,834,455
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5,980,353,748	9,013,711,587
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1,193,796,402)	(3,139,637,901)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(607,586,632)	(1,569,818,926)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4,178,970,714	4,304,254,760
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1,094,848,496	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nhận chia BCC	993,265,812	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6,267,085,022	4,304,254,760
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh		2,370,569,045
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6,267,085,022	6,674,823,805

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	88,600,911	342,472,664
Chi phí lãi vay phải trả	88,600,911	214,093,664
Chi phí dịch vụ phải trả		128,379,000
Cộng	88,600,911	342,472,664

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan về lãi hợp tác kinh doanh</i>	17,216,725,632	34,141,644,742
Công ty Cổ phần Transimex	6,254,359,714	12,402,714,194
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	4,691,590,569	9,303,663,303
Công ty Cổ phần MHC	1,900,931,375	3,769,643,838
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	2,754,544,774	5,462,402,733
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	1,615,299,200	3,203,220,674
Công ty TNHH vận tải Container Hải An		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	37,731,852,617	516,659,874
Kinh phí công đoàn, đảng phí	18,886,500	37,871,900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7,777,474	5,031,724
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	319,200,000
Thù lao HĐQT, BKS	135,000,000	90,000,000
Phải trả SML	36,338,550,216	
Chi phí tạm tính	90,940,000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	721,748,427	64,556,250
Cộng	54,948,578,249	34,658,304,616

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh</i>	-	90,604,520,000
Công ty Cổ phần Transimex		32,915,900,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức		24,688,620,000
Công ty Cổ phần MHC		10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		14,500,000,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs		8,500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Phải trả các tổ chức và cá nhân khác***Cộng**

-	-
-	90,604,520,000

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	542,320,325	542,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)			542,320,325	542,320,325
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	19,899,406,105	19,899,406,105	51,142,425,240	51,142,425,240
Vay ngắn hạn	3,757,962,845	3,757,962,845	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	16,141,443,260	16,141,443,260	51,142,425,240	51,142,425,240
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính			12,672,186,740	12,672,186,740
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	12,188,577,500	12,188,577,500	27,321,636,000	27,321,636,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong			7,190,526,460	7,190,526,460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	3,952,865,760	3,952,865,760	3,958,076,040	3,958,076,040
Cộng	19,899,406,105	19,899,406,105	51,684,745,565	51,684,745,565

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng/giảm khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ/chuyển đổi BCC	Số cuối kỳ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	542,320,325	-	-	-	(542,320,325)	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	542,320,325				(542,320,325)	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	51,142,425,240	45,181,244,222	33,299,643,871	(166,847,555)	(109,557,059,673)	19,899,406,105
Vay ngắn hạn	-	45,181,244,222	-	(6,620,509)	(41,416,660,868)	3,757,962,845
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1		45,181,244,222	-	(6,620,509)	(41,416,660,868)	3,757,962,845
Vay dài hạn đến hạn trả	51,142,425,240	-	33,299,643,871	(160,227,046)	(68,140,398,805)	16,141,443,260
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12,672,186,740		6,336,093,370	(49,441,528)	(18,958,838,582)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27,321,636,000		19,405,277,000	(94,901,562)	(34,443,433,938)	12,188,577,500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,190,526,460		3,600,631,651	(5,370,000)	(10,785,788,111)	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	3,958,076,040		3,957,641,850	(10,513,956)	(3,952,338,174)	3,952,865,760
Cộng	51,684,745,565	45,181,244,222	33,299,643,871	(166,847,555)	(110,099,379,998)	19,899,406,105

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19,678,009,170</i>	<i>19,678,009,170</i>	<i>108,841,311,351</i>	<i>108,841,311,351</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
<i>Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)</i>		-	<i>19,008,439,740</i>	<i>19,008,439,740</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)</i>	<i>9,329,822,390</i>	<i>9,329,822,390</i>	<i>61,131,916,590</i>	<i>61,131,916,590</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)</i>		-	<i>14,381,052,236</i>	<i>14,381,052,236</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1</i>	<i>10,348,186,780</i>	<i>10,348,186,780</i>	<i>14,319,902,785</i>	<i>14,319,902,785</i>
Cộng	19,678,009,170	19,678,009,170	108,841,311,351	108,841,311,351

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	21,518,399,890	12,188,577,500	9,329,822,390	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	18,059,015,385	7,710,828,605	10,348,186,780	-
Cộng	39,577,415,275	19,899,406,105	19,678,009,170	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31,680,626,480	12,672,186,740	19,008,439,740	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	88,453,552,590	27,321,636,000	61,131,916,590	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21,571,578,696	7,190,526,460	14,381,052,236	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	18,277,978,825	3,958,076,040	14,319,902,785	-
Cộng	159,983,736,591	51,142,425,240	108,841,311,351	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Tăng/giảm do chênh lệch tỷ giá	Chuyển đổi BCC	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	19,008,439,740	(16,666,790)	(12,655,679,580)	(6,336,093,370)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	61,131,916,590	(40,647,200)	(32,356,170,000)	(19,405,277,000)	9,329,822,390
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	14,381,052,236	5,368,421	(10,785,789,006)	(3,600,631,651)	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	14,319,902,785	(14,074,155)	-	(3,957,641,850)	10,348,186,780

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	108,841,311,351	(66,019,724)	(55,797,638,586)	(33,299,643,871)	19,678,009,170
------	-----------------	--------------	------------------	------------------	----------------

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	9,323,543,213	5,422,000,000	(4,335,530,000)	10,410,013,213
Quỹ Hội đồng quản trị	6,218,344,434	4,067,000,000	(3,713,000,000)	6,572,344,434
Cộng	15,541,887,647	9,489,000,000	(8,048,530,000)	16,982,357,647

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	136,722,427,202	507,624,168,933
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(7,788,034,178)	-	-	(7,788,034,178)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	135,557,439,569	135,557,439,569
Trích lập các quỹ	-	-	-	49,008,000,000	(60,443,000,000)	(11,435,000,000)
Chia cổ tức 2015	-	-	-	-	(22,939,129,000)	(22,939,129,000)
Tạm ứng cổ tức 2016	-	-	-	-	(45,878,258,000)	(45,878,258,000)
Số dư cuối năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	143,019,479,771	555,141,187,324
Số dư đầu kỳ này	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	143,019,479,771	555,141,187,324
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	137,873,149,395	137,873,149,395
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4,561,855,500)	-	-	(4,561,855,500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	20,334,000,000	(29,823,000,000)	(9,489,000,000)
Tạm ứng cổ tức 2017	-	-	-	-	(33,934,765,000)	(33,934,765,000)
Chia cổ tức bằng CP	113,115,860,000	(50,000,000)	-	-	(113,115,860,000)	(50,000,000)
Số dư cuối kỳ này	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	104,019,004,166	644,978,716,219

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34,507,818	23,196,232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34,507,818	23,196,232
- Cổ phiếu phổ thông	34,507,818	23,196,232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573,053	456,103
- Cổ phiếu phổ thông	573,053	456,103
- Cổ phiếu ưu đãi		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33,934,765	22,740,129
- Cổ phiếu phổ thông	33,934,765	22,740,129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	744,774.65	933,445.39
Euro (EUR)	40.54	40.54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	35,361,091,198	50,559,667,538
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	40,821,232,901	79,193,365,884
Doanh thu hoạt động khác	18,555,251,174	
Cộng	94,737,575,273	129,753,033,422

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	330,181,821
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	8,363,636
Công ty Cổ phần Transimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	2,205,818,165
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	70,441,818
Công ty Cổ phần Hải Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	-	184,545,459
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu		5,856,037,318
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải bộ	2,400,000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu		4,985,113
Doanh thu cho thuê tài sản	20,222,685	
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	4,056,863	175,216,615
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	31,140,000	950,090,915
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	936,022	169,328,642
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải bộ	-	

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	12,808,747,208	16,331,911,888
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	33,893,272,428	63,146,381,043
Giá vốn của hoạt động khác	11,905,388,146	
Cộng	58,607,407,782	79,478,292,931

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,173,673,454	1,804,818,431
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	58,639,861	45,433,804
Lãi tiền cho vay	808,493,150	201,020,002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8,158,454,139	1,789,129,891
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	42,000	1,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	114,388,908	687,179,522
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7,198,401	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		
Cộng	10,320,889,913	4,527,582,650

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,080,425,684	1,040,381,337
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2,738,264	277,785,126
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	517,987	1,425,417,130
Cộng	1,083,681,935	2,743,583,593

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2,048,273,159	1,948,266,775
Chi phí vật liệu quản lý	250,921,620	154,781,737
Chi phí đồ dùng văn phòng	42,266,636	51,304,281

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	289,694,732	234,886,995
Thuế, phí và lệ phí	20,355,000	15,760,000
Dự phòng phải thu khó đòi		109,439,639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,118,151,413	541,466,598
Các chi phí khác	1,216,698,462	2,334,410,082
Cộng	4,986,361,022	5,390,316,107

6. Thu nhập khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-
Tiền bồi thường	240,220,000	32,500,000
Thu nhập khác	20,799,067	8
Cộng	261,019,067	32,500,008

7. Chi phí khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Chi phí bồi thường	178,920,662	(22,312,117)
Thuế bị phạt, bị truy thu	342,725,545	
Chi phí khác	20,294,059	29
Cộng	541,940,266	(22,312,088)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	3,754,362,102	3,019,307,911
Thù lao HĐQT	216,000,000	216,000,000
Cộng	3,970,362,102	3,235,307,911

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Chia lợi nhuận tàu	3,203,220,674	2,102,967,841
Công ty Cổ phần Transimex		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	562,346,362	525,767,275
Chia lợi nhuận tàu	12,402,714,194	8,313,405,995
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu		569,560,682
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay		6,000,000,000
Thu tiền cho vay		6,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	1,014,621,066	1,282,280,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,753,430,829	1,195,772,188
Phải trả về cung cấp dịch vụ cho hoạt động đại lý	496,075,562	
Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả gốc vay	542,320,325	1,200,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	37,352,000	32,581,500
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	11,663,451,253	25,917,005,611
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	434,845,231	239,235,000
Chia lợi nhuận tàu	5,462,402,733	3,972,922,696
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	7,759,568,635	4,058,101,274
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng		95,327,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Chia lợi nhuận tàu	9,303,663,303	6,236,149,932
Chi nhánh công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	297,600,000	29,700,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh phần V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167,076,909,352	233,549,125,466	50,916,663,680	451,542,698,498
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	167,076,909,352	233,549,125,466	50,916,663,680	451,542,698,498
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	105,497,715,320	39,732,570,953	15,202,959,327	160,433,245,600
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22,096,923,940)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			138,336,321,660	
Doanh thu hoạt động tài chính			20,015,483,680	
Chi phí tài chính			(4,875,194,604)	
Thu nhập khác			1,523,070,929	
Chi phí khác			(932,029,591)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16,194,502,679)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			137,873,149,395	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12,587,161,046	613,977,717	13,201,138,763	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44,003,538,227	22,487,443,279	4,870,411,656	71,361,393,162
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	175,269,881,751	242,583,406,876		417,853,288,627
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	175,269,881,751	242,583,406,876	-	417,853,288,627
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	109,992,167,646	49,779,102,428		159,771,270,074
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(18,007,690,427)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				141,763,579,647
Doanh thu hoạt động tài chính				13,558,405,292
Chi phí tài chính				(5,940,365,129)
Thu nhập khác				1,015,577,943
Chi phí khác				(36,486,047)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14,803,272,137)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				135,557,439,569
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	34,746,365,867	32,587,490,195		67,333,856,062
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44,670,566,859	39,842,582,812		84,513,149,671

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269,495,527,060	2,610,737,445	28,706,047,122	300,812,311,627
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				490,665,311,752
Tổng tài sản				791,477,623,379
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61,725,706,773	772,692,557	52,581,389,399	115,079,788,729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-		-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31,419,118,431
Tổng nợ phải trả				146,498,907,160
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	341,109,794,956	342,942,450,053		684,052,245,009
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				243,461,240,195
Tổng tài sản				927,513,485,204
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23,067,341,792	313,894,773,689		336,962,115,481
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				35,410,182,399
Tổng nợ phải trả				372,372,297,880

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các Sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2018



Trần Thị Thanh Hào
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ
HẢI AN
Fa Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Số: 2301 /QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ 4 NĂM 2017

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 02/08/2017.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 20,24% so với cùng kỳ năm ngoái là do:

- Chuyển đổi hình thức kinh doanh khai thác đội tàu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sang đầu tư góp vốn.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lạ Mạnh Cường